

BẢNG TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

Thông tư quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải

Thông tư 42/2019/TT-BGTVT, Thông tư 27/2021/TT-BGTVT	Dự thảo Thông tư	Ý kiến góp ý	Tiếp thu giải trình	Dự thảo Thông tư thay thế
Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;	Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;	Cục KCHTXD: đề nghị rà soát, lược bỏ những căn cứ không trực tiếp, không có hiệu lực pháp lý cao hơn	Tiếp thu và cập nhật dự thảo	
Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;	Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;	Vụ Pháp chế: đề nghị rà soát, cân nhắc bỏ căn cứ là "Thông tư số 05/2026/TT-BXD..." để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP		Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;	Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;			Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;
Căn cứ Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải;	Căn cứ Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải;			Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;	Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;			
	Căn cứ Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;			Căn cứ Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;
	Thông tư số 05/2026/TT-BXD ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Bộ Xây dựng quy định về bảo trì công trình hàng hải và tần suất khảo sát thông báo hàng hải			
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;	Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng và Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;		Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng và Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;	
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.	Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.	Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.		
Điều 1 Phạm vi điều chỉnh	Điều 1 Phạm vi điều chỉnh	Cục KCHTXD: trên cơ sở thẩm quyền quy định chi tiết của Bộ trưởng Bộ Xây dựng xác định rõ phạm vi điều chỉnh của Thông tư; đề nghị xem xét tiêu chí kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải đối với một số công việc cho phù hợp như: (i) Khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng; (ii) Nhiệm vụ đột xuất bảo đảm	Giải trình: - Theo Nghị định 34/2025/NĐ-CP của Chính phủ, dịch vụ công bảo đảm an toàn hàng hải bao gồm cả Khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng; Nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải; Còn sửa chữa thiết bị, cơ khí;... là công việc phục vụ cho công tác cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. - Theo quy định tại điểm b, khoản 21 Điều 2 của Nghị định số 33/2025/NĐ-CP:	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

		<p>an toàn hàng hải; (iii) sửa chữa thiết bị, cơ khí;...</p> <p>- Rà soát khối lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định để đảm bảo khối lượng các công việc được quy định đầy đủ tại dự thảo Thông tư;</p> <p>- Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung đảm bảo chất lượng thực hiện mỗi công việc phù hợp với chất lượng công việc theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn được cơ quan có thẩm quyền ban hành và phù hợp với điều kiện thực tế.</p>	<p>“b) Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công; cơ chế kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ công, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công thuộc lĩnh vực quản lý;”</p> <p>- Việc đề xuất xây dựng Thông tư căn cứ vào khoản 2 Điều 18 Luật Ban hành văn bản QPPL.2021.</p> <p>- Điều 38 Nghị định 32/2019/NĐ-CP quy định về kiểm tra, giám sát việc thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của bộ, cơ quan trung ương từ nguồn ngân sách trung ương.</p> <p>Do vậy các tiêu chí kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải là phù hợp.</p> <p>- Tô soạn thảo đã rà soát các nội dung của Thông tư đã bao trùm khối lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định.</p>	
Thông tư này quy định về tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải sau đây:	Thông tư này quy định về tiêu chí kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo hình thức đặt hàng, bao gồm các dịch vụ sau:			Thông tư này quy định về tiêu chí kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo hình thức đặt hàng, bao gồm các dịch vụ sau:
1. Quản lý vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập.	1. Vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập;			1. Vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập;
2. Quản lý vận hành, bảo trì hệ thống luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả hệ thống đèn chắn sóng, đèn chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng).	2. Vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm công tác kiểm tra thường xuyên hệ thống đèn chắn sóng, đèn chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng);	Vụ Pháp chế: Đề nghị rà soát, làm rõ "hệ thống đèn chắn sóng, đèn chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ" có phải là báo hiệu hàng hải không để đảm bảo sự phù hợp với nội dung của khoản.	Giải trình: Tại Thông tư 38/2021/TT-BGTVT ngày 30/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải, Tập 2 Định mức kinh tế - kỹ thuật vận hành, bảo trì hệ thống luồng hàng hải công cộng: công tác vận hành bảo trì hệ thống luồng hàng hải công cộng bao gồm bao gồm số lần kiểm tra thường xuyên đèn, kè (đèn chắn sóng, chắn cát; kè bảo vệ bờ, chỉnh trị luồng hàng hải công cộng...).	2. Vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm công tác kiểm tra thường xuyên hệ thống đèn chắn sóng, đèn chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng);
3. Khảo sát phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vùng đón trả hoa tiêu).	3. Khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu);			3. Khảo sát định kỳ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu);
4. Đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải.	4. Nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải.			4. Nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải.
Điều 2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo hình thức đặt hàng.			Điều 2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo hình thức đặt hàng.
Điều 3. Giải thích từ ngữ	Điều 3. Giải thích từ ngữ	Cục KCHTXD: Đối với giải thích từ ngữ: đề nghị lược bỏ những từ ngữ không cần thiết, không được sử dụng tại dự thảo Thông tư hoặc đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác;	Tiếp thu	

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:			
1. Báo hiệu hàng hải là thiết bị hoặc công trình được thiết lập để chỉ dẫn cho người đi biển định hướng và xác định vị trí của tàu thuyền.	1. Báo hiệu hàng hải là các công trình, thiết bị chỉ dẫn hàng hải, bao gồm các công trình, thiết bị nhận biết bằng hình ảnh, ánh sáng, âm thanh và tín hiệu vô tuyến điện tử, dịch vụ được thiết lập và vận hành để chỉ dẫn cho tàu thuyền hàng hải an toàn và hiệu quả.	Vụ Pháp chế: đề nghị rà soát lại nội dung quy định tại khoản này để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định tại khoản 22 Điều 4 Bộ luật Hàng hải Việt Nam, tránh gây nhiều cách hiểu khác nhau trong cùng hệ thống pháp luật về hàng hải	Tiếp thu	
2. Tầm hiệu lực của báo hiệu hàng hải là khoảng cách lớn nhất tính từ người quan sát đến báo hiệu mà người quan sát nhận biết được báo hiệu đó để định hướng hoặc xác định vị trí của mình.	2. Tầm hiệu lực của báo hiệu hàng hải là khoảng cách lớn nhất tính từ người quan sát đến báo hiệu mà người quan sát nhận biết được báo hiệu đó để định hướng hoặc xác định vị trí của mình.			
3. Tầm hiệu lực ban ngày của báo hiệu hàng hải là khoảng cách lớn nhất mà người quan sát có thể nhận biết được báo hiệu vào ban ngày; được xác định với tầm nhìn xa khí tượng bằng 10 hải lý.	3. Tầm hiệu lực ban ngày của báo hiệu hàng hải là khoảng cách lớn nhất mà người quan sát có thể nhận biết được báo hiệu vào ban ngày; được xác định với tầm nhìn xa khí tượng bằng 10 hải lý.			
4. Tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu hàng hải là khoảng cách lớn nhất mà người quan sát có thể nhận biết được tín hiệu ánh sáng của báo hiệu.	4. Tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu hàng hải là khoảng cách lớn nhất mà người quan sát có thể nhận biết được tín hiệu ánh sáng của báo hiệu.			
5. Tầm hiệu lực danh định của báo hiệu hàng hải là tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu trong điều kiện khí quyển có tầm nhìn xa khí tượng là 10 hải lý (tương ứng với hệ số truyền quang của khí quyển $T = 0,74$) với ngưỡng cảm ứng độ sáng của mắt người quan sát quy ước bằng 0,2 micro-lux.	5. Tầm hiệu lực danh định của báo hiệu hàng hải là tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu trong điều kiện khí quyển có tầm nhìn xa khí tượng là 10 hải lý (tương ứng với hệ số truyền quang của khí quyển $T = 0,74$) với ngưỡng cảm ứng độ sáng của mắt người quan sát quy ước bằng 0,2 micro-lux.			
6. Tầm hiệu lực của báo hiệu vô tuyến (Racon, AIS...) là khoảng cách tối đa mà tín hiệu của báo hiệu vô tuyến có thể phát hiện hoặc sử dụng được bằng thiết bị thu nhận tín hiệu.	6. Tầm hiệu lực của báo hiệu vô tuyến (Racon, AIS...) là khoảng cách tối đa mà tín hiệu của báo hiệu vô tuyến có thể phát hiện hoặc sử dụng được bằng thiết bị thu nhận tín hiệu.			
7. Ánh sáng chớp nhóm là ánh sáng chớp được phát theo nhóm với chu kỳ xác định.	7. Ánh sáng chớp nhóm là ánh sáng chớp được phát theo nhóm với chu kỳ xác định.			
8. Báo hiệu hàng hải AIS là báo hiệu vô tuyến điện truyền phát thông tin an toàn hàng hải tới các trạm AIS được lắp đặt trên tàu, hoạt động trên các dải tần số VHF hàng hải.	8. Báo hiệu hàng hải AIS là báo hiệu vô tuyến điện truyền phát thông tin an toàn hàng hải tới các trạm AIS được lắp đặt trên tàu, hoạt động trên các dải tần số VHF hàng hải.			
9. Tiêu radar (Racon) là báo hiệu hàng hải để thu, phát tín hiệu vô tuyến điện trên các dải tần số của radar hàng hải.	9. Tiêu radar (Racon) là báo hiệu hàng hải để thu, phát tín hiệu vô tuyến điện trên các dải tần số của radar hàng hải.			
10. Chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải được xác định bằng tỷ lệ phần trăm về thời gian mà báo hiệu hàng hải hoạt động đúng tất cả các chức năng đã được công bố trong chu kỳ đánh giá.	10. Chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải được xác định bằng tỷ lệ phần trăm về thời gian mà báo hiệu hàng hải hoạt động đúng tất cả các chức năng đã được công bố trong chu kỳ đánh giá.			
	11. Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công là đơn vị được nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được quy định tại Điều 1.			11. Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công là đơn vị được nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được quy định tại Điều 1.
	12. Báo hiệu âm thanh là thiết bị truyền phát âm thanh để cung cấp thông tin cho người đi biển trong điều kiện tầm nhìn xa bị hạn chế.			12. Báo hiệu âm thanh là thiết bị truyền phát âm thanh để cung cấp thông tin cho người đi biển trong điều kiện tầm nhìn xa bị hạn chế.

	13. Báo hiệu AIS phát thông tin khí tượng thủy văn là thiết bị nhận dữ liệu khí tượng thủy văn từ các trạm quan trắc tự động và truyền phát qua bức điện số 8 của báo hiệu hàng hải AIS.			13. Báo hiệu AIS phát thông tin khí tượng thủy văn là thiết bị nhận dữ liệu khí tượng thủy văn từ các trạm quan trắc tự động và truyền phát qua bức điện số 8 của báo hiệu hàng hải AIS.
Điều 4. Tiêu chí chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải	Điều 4. Tiêu chí chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải			Điều 4. Tiêu chí chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải
1. Dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập Tiêu chí chất lượng dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu dẫn luồng hàng hải công cộng gồm: chức năng báo hiệu; tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị; nguồn nhân lực tại trạm luồng; công tác bảo trì, sửa chữa; công tác quản lý; chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng.	1. Dịch vụ vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập:			
	a) Tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập gồm: chức năng của báo hiệu; tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu; công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình; công tác quản lý; chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập.			
	b) Nội dung chi tiết tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.	Cục KCHTXD 1) Nội dung chi tiết Tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.	Tiếp thu	1) Tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống luồng hàng hải công cộng	2. Dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm công tác kiểm tra thường xuyên hệ thống đèn chắn sóng, đèn chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng):			
a) Dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống luồng hàng hải công cộng gồm: quản lý vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu dẫn luồng và quản lý vận hành, bảo trì hệ thống đèn chắn sóng, đèn chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng.	a) Tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng được xác định gồm: chức năng của báo hiệu; tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu; công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình; công tác quản lý tại trạm luồng; chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng; công tác kiểm tra thường xuyên đèn, kè.			
b) Tiêu chí gồm chức năng báo hiệu; tính sẵn sàng hoạt động; nhân sự bố trí tại trạm luồng; công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình; công tác quản lý tại trạm luồng; chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng.	b) Nội dung tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.	Cục KCHTXD 2. Nội dung Tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.	Tiếp thu	2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.
c) Tiêu chí chất lượng dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống đèn chắn sóng, đèn chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng được xác định gồm: công tác kiểm tra thường xuyên; công tác bảo trì.				
3. Dịch vụ khảo sát phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vùng đón trả hoa tiêu)	3. Dịch vụ khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu)			

Tiêu chí chất lượng dịch vụ khảo sát phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vùng đón trả hoa tiêu) được xác định gồm: thiết bị, phương tiện và hệ thống mốc khảo sát; tần suất khảo sát; hồ sơ khảo sát.				
	a) Tiêu chí chất lượng dịch vụ khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu) được xác định gồm: Tần suất khảo sát; hồ sơ khảo sát.			
	b) Nội dung tiêu chí chất lượng dịch vụ khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu) được quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.	Cục KCHTXD 3. Nội dung Tiêu chí chất lượng dịch vụ khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu) được quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.		3. Tiêu chí chất lượng dịch vụ khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu) được quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.
4. Dịch vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải	4. Dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải			
Tiêu chí chất lượng dịch vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải là việc khắc phục kịp thời, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền.	a) Tiêu chí chất lượng dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải là việc khắc phục sự cố kịp thời, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền.			
	b) Nội dung tiêu chí chất lượng dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải được quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.	Cục KCHTXD 4. Nội dung Tiêu chí chất lượng dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải được quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.		4. Tiêu chí chất lượng dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải được quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.
Điều 5. Kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải	Điều 5. Kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải			Điều 5. Kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải
1. Việc kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được thực hiện theo các tiêu chí chất lượng, phương pháp đánh giá và yêu cầu đáp ứng theo quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.	1. Việc kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được thực hiện theo các tiêu chí chất lượng, phương pháp đánh giá và yêu cầu đáp ứng theo quy định tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư.	Cục KCHTXD 1. Việc kiểm tra, giám sát các tiêu chí chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được thực hiện theo các tiêu chí chất lượng , phương pháp xác định đánh giá và yêu cầu đáp ứng theo quy định tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư. Kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được thực hiện định kỳ, đột xuất.		1. Việc kiểm tra, giám sát các tiêu chí chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được thực hiện theo phương pháp xác định và yêu cầu đáp ứng theo quy định tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư. Kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được thực hiện định kỳ, đột xuất.
	2. Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được thực hiện theo các tiêu chí chất lượng, phương pháp đánh giá và yêu cầu đáp ứng theo quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.	Vụ KHCNMT&VLXD Xem xét đưa các quy định "Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu việc thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại điểm Khoản 2 Điều 5 và mục a khoản 1 Điều 7 của Thông tư này bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và Thông	Vụ KHCNMT&VLXD Giải trình: các quy định này đã quy định tại khoản 2 Điều 8 về trách nhiệm của Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải tại Dự thảo Thông tư.	2. Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải thường xuyên, đột xuất.

		<p>tư này và chịu trách nhiệm với kết quả kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu của mình; Lập báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm và cả năm gửi Cục HHĐTVN làm cơ sở để phục vụ nghiệm thu hoàn thành dịch vụ sự nghiệp công; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực đối với hồ sơ cung cấp cho HHĐTVN để phục vụ nghiệm thu hoàn thành dịch vụ sự nghiệp công" thành các điểm quy định về trách nhiệm tại khoản 2 Điều 8 của dự thảo Thông tư</p> <p>Cục KCHTXD 2. Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải định kỳ hàng tháng, quý, đột xuất. Được thực hiện theo các tiêu chí chất lượng, phương pháp đánh giá và yêu cầu đáp ứng theo quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này</p>		
2. Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định tại Thông tư này.	3. Hàng quý hoặc đột xuất, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tổ chức kiểm tra xác suất (một năm tối thiểu 10% số đèn biển, tối thiểu 10% số đoạn hoặc tuyến luồng) việc thực hiện chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định tại Thông tư này.	<p>Vụ Pháp chế: đề nghị làm rõ quy định "việc thực hiện chất lượng dịch vụ" là việc gì để đảm bảo tính chính xác khi dẫn chiếu đến dự thảo Thông tư.</p> <p>Cục KCHTXD 3. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tổ chức kiểm tra xác suất, giám sát việc thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải định kỳ hàng quý hoặc đột xuất.</p>	Tiếp thu, chỉnh sửa	3. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tổ chức kiểm tra xác suất, giám sát việc thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải định kỳ hàng quý hoặc đột xuất.
3. Các phương tiện thủy phục vụ công tác tiếp tế tại các đèn biển và trạm quản lý luồng hàng hải; phục vụ công tác kiểm tra tổng quan, kiểm tra bảo trì luồng hàng hải phải lắp đặt thiết bị nhận dạng tự động (AIS). Việc quản lý, khai thác, sử dụng thông tin AIS thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGTVT ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định quản lý và khai thác thông tin nhận dạng tự động của tàu thuyền	4. Các phương tiện thủy phục vụ công tác: vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập (bao gồm vận hành, bảo trì đèn biển; công tác tiếp tế định kỳ); vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm kiểm tra tổng quan; bảo trì báo hiệu hàng hải; thay, thả phao báo hiệu hàng hải; sơn bảo dưỡng báo hiệu hàng hải; công tác tiếp tế định kỳ) phải lắp đặt thiết bị nhận dạng tự động (AIS) hoặc thiết bị giám sát hành trình khác để kiểm tra, giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.	<p>Vụ Pháp chế: Khoản này có đề cập đến việc "đánh giá và nghiệm thu" dịch vụ sự nghiệp công đảm bảo an toàn hàng hải, tuy nhiên nội dung Điều 5 lại chỉ quy định về "kiểm tra, giám sát". Vì vậy đề nghị rà soát để đảm bảo sự phù hợp, thống nhất giữa tên Điều và nội dung trong Điều.</p> <p>Vụ KHCMNT&VLXD: Đề nghị xem xét việc xây dựng đối với loại phương tiện tương ứng (có phương tiện không đủ quy mô để lắp đặt thiết bị AIS; làm rõ thiết bị giám sát hành</p>	<p>Giải trình: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: việc quy định các phương tiện thủy phục vụ để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải tại Điều này quy định về nguyên tắc chung, không ảnh hưởng đến các nội dung tại Điều này.</p> <p>Giải trình - Việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình để giải quyết tình trạng hiện nay trên một số tuyến luồng tín hiệu AIS bị</p>	4. Các phương tiện thủy phục vụ công tác: vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập (bao gồm vận hành, bảo trì đèn biển; tiếp tế định kỳ); vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm kiểm tra tổng quan; bảo trì báo hiệu hàng hải; thay, thả phao báo hiệu hàng hải; sơn bảo dưỡng báo hiệu hàng hải; công tác tiếp tế định kỳ) phải lắp đặt thiết bị nhận dạng tự động (AIS) hoặc thiết bị giám sát hành trình phù hợp khác (nếu có) để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.

		<p>trình khác để kiểm tra là loại thiết bị nào?</p> <p>Cục KCHTXD</p> <p>- "... phải lắp đặt thiết bị nhận dạng tự động (AIS) hoặc thiết bị giám sát hành trình phù hợp khác (nếu có) để để kiểm tra, giám sát dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải...."</p>	<p>gián đoạn, một số tuyến luồng nằm ngoài vùng phủ sóng tín hiệu AIS,...</p> <p>- Hiện nay, thiết bị giám sát hành trình phổ biến có độ chính xác cao (dịch vụ: Vntrack, Vtracking,...), thiết bị có khả năng xác định vị trí, thời gian, hướng di chuyển của phương tiện; Xem lại hành trình, quãng đường di chuyển (<i>kể cả khi sóng 4G bị mất tín hiệu</i>); truyền dữ liệu về trung tâm giám sát sử dụng công nghệ định vị GPS toàn cầu kết hợp với sóng di động GSM (4G/5G), loại thiết bị phù hợp lắp đặt cho các phương tiện thủy (<i>Hiện nay, đã lắp cho một số phương tiện thủy để phục vụ công tác giám sát, nghiệm thu</i>).</p> <p>Việc lắp đặt thiết bị này là cần thiết, đảm bảo tính minh bạch trong quá trình giám sát, nghiệm thu.</p> <p>Cục KCHTXD: tiếp thu, cập nhật</p>	
	<p>5. Các phương tiện bộ phục vụ công tác tiếp tế định kỳ tại các trạm quản lý đèn biển, trạm quản lý luồng hàng hải công cộng phải được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình để kiểm tra, giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.</p>	<p>Cục KCHTXD</p> <p>5. Các phương tiện giao thông đường bộ phục vụ công tác tiếp tế định kỳ tại các trạm quản lý đèn biển, trạm quản lý luồng hàng hải công cộng phải được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình để phục vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.</p>	<p>Tiếp thu, cập nhật Dự thảo</p>	<p>5. Các phương tiện giao thông đường bộ phục vụ công tác tiếp tế định kỳ tại các trạm quản lý đèn biển, trạm quản lý luồng hàng hải công cộng phải được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình để phục vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.</p>
Điều 6. Đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải	Điều 6. Đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải			Điều 6. Đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải
	1. Nguyên tắc đánh giá			1. Nguyên tắc đánh giá
<p>1. Việc đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải căn cứ trên các tiêu chí tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và được đánh giá theo mức "Đạt" hoặc "Không đạt", nếu một trong các tiêu chí tại các mục "Không đạt" thì đánh giá tổng hợp của mục đó là "Không đạt", cụ thể như sau:</p>	<p>Việc đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải căn cứ trên các tiêu chí tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và được đánh giá theo mức "Đạt" hoặc "Không đạt".</p> <p>Khi tiêu chí đánh giá là "không đạt", đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phải chịu hoàn toàn chi phí khắc phục.</p>	<p>Vụ KH-TC: Dự thảo đã bổ sung chế tài theo hướng tiêu chí "Không đạt" thì đơn vị cung cấp phải chịu toàn bộ chi phí khắc phục và phân chưa đáp ứng không được nghiệm thu, thanh toán. Đề nghị làm rõ hơn nguyên tắc xác định phần khối lượng bị giảm trừ thanh toán; phân biệt trường hợp không đạt làm ảnh hưởng toàn bộ chu kỳ đánh giá với trường hợp chỉ ảnh hưởng cục bộ; đồng thời làm rõ việc loại trừ yếu tố bất khả kháng và nguyên nhân khách quan để bảo đảm thuận lợi cho công tác thanh toán, quyết toán và kiểm toán sau này.</p> <p>Vụ Pháp chế: đề nghị cân nhắc, xem xét việc quy định "đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phải chịu hoàn toàn chi phí khắc phục" khi việc</p>	<p>Giải trình:</p> <p>- Tại dự thảo Thông tư đã quy định: Các tiêu chí tại các mục (2), (3), (4) tại Phụ lục 1, 2 liên quan chi tiết đến các khối lượng lượng cụ thể, khi các tiêu chí này "không đạt" thì Đơn vị cung cấp dịch vụ công chịu hoàn toàn chi phí khắc phục. Tiêu chí tại mục (1) và (5) tại Phụ lục 1, 2 làm ảnh hưởng đến toàn bộ chu kỳ đánh giá thì toàn bộ chi phí liên quan đến báo hiệu đó không được nghiệm thu, thanh toán.;</p> <p>- Các yếu tố bất khả kháng và nguyên nhân khách quan được quy định cụ thể tại Hợp đồng.</p> <p>Giải trình: quy định này tại dự thảo là phù hợp nhằm đảm bảo chất lượng thực hiện các công việc dịch vụ sự nghiệp công BĐHH</p>	<p>a) Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được đánh giá theo mức "Đạt" hoặc "Không đạt".</p> <p>b) Khi tiêu chí được đánh giá là "Không đạt", đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm khắc phục và chịu hoàn toàn chi phí. Sau khi hoàn thành việc khắc phục phải thực hiện đánh giá chất lượng.</p>

		<p>đánh giá là không đạt để đảm bảo tính khách quan, khả thi của quy định khi đơn vị đánh giá và đơn vị khắc phục là một đơn vị.</p> <p>Cục KCHTXD Việc đánh giá a) Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải căn cứ trên các tiêu chí tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và được đánh giá theo 02 mức “Đạt” hoặc “Không đạt”. Khi tiêu chí đánh giá là “không đạt”, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phải chịu hoàn toàn chi phí khắc phục.</p>	Tiếp thu, cập nhật Dự thảo	
	2. Đánh giá dịch vụ vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập	<p>Vụ Pháp chế: đề nghị rà soát, nghiên cứu về kỹ thuật soạn thảo quy định tại khoản này, đặc biệt là việc dẫn chiếu các nội dung tại Phụ lục để đảm bảo tính chính xác, rõ ràng, minh bạch, khả thi, hiệu quả</p> <p>Cục KCHTXD Đánh giá chất lượng dịch vụ vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập theo các nội dung quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này và thực hiện như sau:</p>	Tiếp thu, chỉnh sửa	2. Đánh giá chất lượng dịch vụ vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập theo các nội dung quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này và thực hiện như sau:
<p>a) Đánh giá dịch vụ quản lý, vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập: Các tiêu chí từ mục (1) đến mục (5) Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này nêu “Không đạt” yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khắc phục ngay (trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam) và tiến hành đánh giá lại tiêu chí “Không đạt”.</p>	<p>Đánh giá dịch vụ vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập theo các mục tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này: a) Tiêu chí tại mục (1) khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường nếu báo hiệu không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng tại thông báo hàng hải, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khẩn trương khắc phục để đảm bảo chức năng của báo hiệu. Nếu báo hiệu không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các tiêu chí, dẫn tới việc đánh giá tiêu chí mục tại (5) là “Không đạt” thì đánh giá tiêu chí mục (1) là “Không đạt”.</p>	<p>Vụ KHCNMT&VLXD: Đề nghị xem xét lại để tránh trùng lặp và bảo đảm tính khách quan trong quá trình đánh giá, đồng thời xem xét bổ sung thời gian cho đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khắc phục các lỗi đối với tiêu chí tại mục (1).</p> <p>Cục KCHTXD Đánh giá dịch vụ vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập theo các mục tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này: a) Khi tiêu chí quy định tại hạng mục “Chức năng của báo hiệu” được kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường nếu “Không đạt”, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khẩn trương khắc phục để tiến hành đánh giá lại tiêu chí. Trường hợp báo hiệu không hoạt động hoặc không đáp ứng yêu cầu của một trong các tiêu chí tại hạng mục “Chức năng của báo hiệu” dẫn</p>	<p>Giải trình: Kết quả đánh giá tại mục (1) là căn cứ để xác định thời gian báo hiệu không hoạt động hoặc hoạt động không đúng chức năng theo thông báo hàng hải; thời gian này (bao gồm cả thời gian khắc phục) đã được tính vào giá trị (t) trong công thức xác định chỉ số khả dụng tại mục (5) Phụ lục 1, 2.</p> <p>Tiếp thu, cập nhật</p>	<p>a) Khi tiêu chí quy định tại hạng mục “Chức năng của báo hiệu” được kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường nếu “Không đạt”, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khẩn trương khắc phục để tiến hành đánh giá lại tiêu chí. Trường hợp báo hiệu không hoạt động hoặc không đáp ứng yêu cầu của một trong các tiêu chí tại hạng mục “Chức năng của báo hiệu” được đánh giá là “Không đạt”.</p>

		tới việc đánh giá tại hạng mục “Chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập” là “Không đạt” thì hạng mục “Chức năng của báo hiệu” được đánh giá là “Không đạt”.		
Tiêu chí tại mục (6) Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này nếu “Không đạt” thì đánh giá tổng hợp chất lượng dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu luồng hàng hải công cộng được đánh giá trong chu kỳ là “Không đạt”.	b) Tiêu chí tại mục (5) nếu “Không đạt” thì đánh giá tổng hợp chất lượng dịch vụ vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập được đánh giá trong chu kỳ là “Không đạt”.	Cục KCHTXD b) Trường hợp “Chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập” được đánh giá là “Không đạt” thì đánh giá tổng hợp chất lượng dịch vụ vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập trong kỳ đánh giá là “Không đạt”.	Tiếp thu, cập nhật	b) Trường hợp “Chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập” được đánh giá là “Không đạt” thì đánh giá tổng hợp chất lượng dịch vụ vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập trong kỳ đánh giá là “Không đạt”.
	c) Các tiêu chí tại mục (2), mục (3) và mục (4) khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường nếu “Không đạt”, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phải khắc phục ngay trong vòng 05 ngày (trừ thời gian bất khả kháng), kết quả khắc phục phải có biên bản xác nhận kèm theo các tài liệu chứng minh để tiến hành đánh giá lại tiêu chí.	Vụ KHCNMT&VLXD: Đề nghị làm rõ cơ sở việc giảm thời gian khắc phục các lỗi quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 6 của dự thảo Thông tư so với quy định hiện hành. Cục KCHTXD "c) Các tiêu chí tại hạng mục “Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu”, “Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình” và “Công tác quản lý” khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường là “Không đạt”, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khẩn trương khắc phục trong vòng 05 ngày (trừ thời gian bất khả kháng). Kết quả khắc phục phải có biên bản xác nhận kèm theo các tài liệu chứng minh để thực hiện đánh giá lại chất lượng."	Vụ KHCNMT&VLXD: Giải trình: Việc giảm thời gian khắc phục lỗi xuất phát từ 2 cơ sở chính: (1) KHCN hiện nay cho phép phát hiện và xử lý nhanh hơn; (2) Rút ngắn thời gian khắc phục sự cố theo khả năng đáp ứng của Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công BĐATHH để nâng cao chất lượng dịch vụ. Cục KCHTXD: Tiếp thu, cập nhật	c) Các tiêu chí tại hạng mục “Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu”, “Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình” và “Công tác quản lý” khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường là “Không đạt”, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khẩn trương khắc phục trong vòng 05 ngày (trừ thời gian bất khả kháng). Kết quả khắc phục phải có biên bản xác nhận kèm theo các tài liệu chứng minh để thực hiện đánh giá lại chất lượng.
	d) Các mục (1) và mục (5) đánh giá là “Không đạt” thì đèn biển, đăng tiêu độc lập chưa đáp ứng sẽ không được nghiệm thu thanh toán. Các mục (2), mục (3), mục (4) đánh giá là “Không đạt” thì phần khối lượng công việc chưa đáp ứng không được nghiệm thu thanh toán.	Cục KCHTXD Viết cụ thể tên các mục đánh giá và nội dung quy định về nghiệm thu đề nghị chuyên nội dung đến Điều 7	Tiếp thu, cập nhật	
b) Đánh giá dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống luồng hàng hải công cộng:	3. Đánh giá dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng	Vụ Pháp chế: đề nghị rà soát, nghiên cứu về kỹ thuật soạn thảo quy định tại khoản này, đặc biệt là việc dẫn chiếu các nội dung tại Phụ lục để đảm bảo tính chính xác, rõ ràng, minh bạch, khả thi, hiệu quả Cục KCHTXD 3. Đánh giá chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng theo các nội dung quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này và thực hiện như sau:	Tiếp thu, chỉnh sửa Tiếp thu, chỉnh sửa	3. Đánh giá chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng theo các nội dung quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này và thực hiện như sau:

<p>Các tiêu chí từ mục (1) đến mục (5) Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này nếu “Không đạt” yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khắc phục ngay (trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam) và tiến hành đánh giá lại tiêu chí “Không đạt”.</p>	<p>Đánh giá dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng theo các mục tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này:</p> <p>a) Tiêu chí tại mục (1) khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường nếu báo hiệu không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng tại thông báo hàng hải, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khẩn trương khắc phục để đảm bảo chức năng của báo hiệu. Nếu báo hiệu không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các tiêu chí, dẫn tới việc đánh giá tiêu chí mục tại (5) là “Không đạt” thì đánh giá tiêu chí mục (1) là “Không đạt”.</p>	<p>Vụ KHCNMT&VLXD: Xem xét lại quy định tại điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 6 của dự thảo Thông tư để tránh trùng lặp và bảo đảm tính khách quan trong quá trình đánh giá, đồng thời xem xét bổ sung thời gian cho đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khắc phục các lỗi đối với tiêu chí tại mục (1).</p> <p>Cục KCHTXD Đánh giá dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng theo các mục tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này: a) Khi tiêu chí quy định tại hạng mục “Chức năng của báo hiệu” được kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường nếu “Không đạt”, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khẩn trương khắc phục để tiến hành đánh giá lại tiêu chí. Trường hợp báo hiệu không hoạt động hoặc không đáp ứng yêu cầu của một trong các tiêu chí tại hạng mục “Chức năng của báo hiệu” dẫn tới việc đánh giá tại hạng mục “Chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập” là “Không đạt” thì hạng mục “Chức năng của báo hiệu” được đánh giá là “Không đạt”.</p>	<p>Giải trình: Kết quả đánh giá tại mục (1) là căn cứ để xác định thời gian báo hiệu không hoạt động hoặc hoạt động không đúng chức năng theo thông báo hàng hải; thời gian này (bao gồm cả thời gian khắc phục) đã được tính vào giá trị t trong công thức xác định chỉ số khả dụng tại mục (5) Phụ lục 1, 2.</p> <p>Tiếp thu, chỉnh sửa</p>	<p>a) Khi tiêu chí quy định tại hạng mục “Chức năng của báo hiệu” được kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường nếu “Không đạt”, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khẩn trương khắc phục để tiến hành đánh giá lại tiêu chí. Trường hợp báo hiệu không hoạt động hoặc không đáp ứng yêu cầu của một trong các tiêu chí tại hạng mục “Chức năng của báo hiệu” dẫn tới việc đánh giá tại hạng mục “Chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập” là “Không đạt” thì hạng mục “Chức năng của báo hiệu” được đánh giá là “Không đạt”.</p>
<p>Tiêu chí tại mục (6) Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này nếu “Không đạt” thì đánh giá tổng hợp chất lượng dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu luồng hàng hải công cộng được đánh giá trong chu kỳ là “Không đạt”.</p>	<p>b) Các tiêu chí tại mục (2), mục (3), mục (4) và mục (6) khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường nếu “Không đạt”, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phải khắc phục ngay trong vòng 05 ngày (trừ thời gian bất khả kháng), kết quả khắc phục phải có biên bản xác nhận kèm theo các tài liệu chứng minh để tiến hành đánh giá lại tiêu chí.</p>	<p>Vụ KHCNMT&VLXD: Đề nghị làm rõ cơ sở việc giảm thời gian khắc phục các lỗi của dự thảo Thông tư so với quy định hiện hành.</p> <p>Cục KCHTXD b) Các tiêu chí tại hạng mục “Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu”, ” “Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình”, “Công tác quản lý tại trạm” và “Công tác kiểm tra thường xuyên đèn kè” khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường là “Không đạt”, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khẩn trương khắc phục trong vòng 05 ngày (trừ thời gian bất khả kháng). Kết quả khắc phục phải có biên bản xác nhận kèm theo các tài</p>	<p>Vụ KHCNMT&VLXD: Giải trình Việc giảm thời gian khắc phục lỗi xuất phát từ 2 cơ sở chính: - KHCN hiện nay cho phép phát hiện và xử lý nhanh hơn; - Rút ngắn thời gian khắc phục sự cố theo khả năng đáp ứng của Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công ĐATHH để nâng cao chất lượng dịch vụ.</p> <p>Cục KCHTXD: Tiếp thu, cập nhật</p>	<p>b) Các tiêu chí tại hạng mục “Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu”, ” “Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình”, “Công tác quản lý tại trạm” và “Công tác kiểm tra thường xuyên đèn kè” khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường là “Không đạt”, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khẩn trương khắc phục trong vòng 05 ngày (trừ thời gian bất khả kháng). Kết quả khắc phục phải có biên bản xác nhận kèm theo các tài liệu chứng minh để thực hiện đánh giá lại chất lượng.</p>

		Cục KCHTXD Quy định về nghiệm thu đề nghị chuyển nội dung đến Điều 7	Tiếp thu, chỉnh sửa	
đ) Đánh giá dịch vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải. Các tiêu chí quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này nếu "Không đạt" yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khắc phục ngay (trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam) và tiến hành đánh giá lại tiêu chí "Không đạt".	5. Đánh giá dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải. Các tiêu chí quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất kết quả khắc phục thực tế tại hiện trường nếu "Không đạt" thì đánh giá là "Không đạt". Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải bổ sung hồ sơ trong vòng 03 ngày (trừ thời gian bất khả kháng), nếu không hoàn thành công tác bổ sung hồ sơ thì được đánh giá là "Không đạt", sản phẩm chưa đáp ứng không được nghiệm thu thanh toán.	Vụ KHCNMT&VLXD: Đề nghị làm rõ cơ sở việc giảm thời gian khắc phục các lỗi của dự thảo Thông tư so với quy định hiện hành. Vụ Pháp chế: Khoản 5: đề nghị rà soát, làm rõ "trừ thời gian bất khả kháng" là thời gian gì? đồng thời, đề nghị rà soát với nội dung khoản 4 để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của quy định .	Giải trình: Việc giảm thời gian khắc phục lỗi xuất phát từ 2 cơ sở chính: - KHCN hiện nay cho phép phát hiện và xử lý nhanh hơn; - Rút ngắn thời gian khắc phục sự cố theo khả năng đáp ứng của Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công ĐATHH để nâng cao chất lượng dịch vụ. Giải trình: Thời gian bất khả kháng được quy định tại các VBQPPL khác và có thể định nghĩa như sau: <i>Thời gian bất khả kháng là thời gian xảy ra các sự kiện khách quan, độc lập với ý chí của con người (thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, thay đổi cơ chế chính sách pháp luật) và không thể dự báo trước được sự kiện này.</i>	5. Đánh giá dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải theo các nội dung quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này và thực hiện như sau:
				Khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường là "Không đạt" thì đánh giá tổng hợp dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải trong kỳ đánh giá là "Không đạt".
		Cục KCHTXD Quy định về nghiệm thu đề nghị chuyển nội dung đến Điều 7	Tiếp thu, chỉnh sửa	
	6. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được nghiệm thu khi tất cả các tiêu chí chất lượng được đánh giá theo mức "Đạt".	Chuyển xuống thành 1 Điều 7	Tiếp thu, chỉnh sửa	
2. Cục Hàng hải Việt Nam căn cứ vào các kết quả kiểm tra, giám sát hàng Quý hoặc đột xuất tiến hành nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải 6 tháng và cả năm. Nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải khi tất cả các tiêu chí chất lượng được đánh giá theo mức "Đạt".	Điều 7. Nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải			Điều 7. Nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải
		Cục KCHTXD: Chuyển các quy định về nghiệm thu từ Điều 6 đến Điều 7	Tiếp thu, chỉnh sửa	1. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được nghiệm thu khi tất cả các tiêu chí chất lượng được đánh giá theo mức "Đạt". a) Nghiệm thu chất lượng dịch vụ vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập: Theo các nội dung quy định tại Phụ lục 1, các hạng mục "Chức năng của báo hiệu" và "Chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập" đánh giá là "Không đạt" thì đèn biển, đăng tiêu độc lập chưa đáp ứng sẽ không được nghiệm thu thanh toán. Các hạng mục "Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo

				<p>hiệu”, “Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình” và “Công tác quản lý” được đánh giá là “Không đạt” ” thì phần khối lượng công việc chưa đáp ứng yêu cầu thì không được nghiệm thu thanh toán.</p> <p>b) Nghiệm thu chất lượng dịch vụ vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng: Theo các nội dung quy định tại Phụ lục 2, các hạng mục “Chức năng của báo hiệu” và “Chi số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập” đánh giá là “Không đạt” thì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng chưa đáp ứng yêu cầu sẽ không được nghiệm thu thanh toán. Các hạng mục “Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu”, “Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình” và “Công tác quản lý tại trạm” và “Công tác kiểm tra thường xuyên đê kè” được đánh giá là “Không đạt” thì phần khối lượng công việc chưa đáp ứng yêu cầu thì không được nghiệm thu, thanh toán.</p> <p>c) Đánh giá chất lượng dịch vụ khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu): Các sản phẩm được đánh giá theo quy định tại Phụ lục 3 là “Không đạt” thì sản phẩm chưa đáp ứng không được nghiệm thu, thanh toán.</p> <p>d) Nghiệm thu dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải: Các sản phẩm được đánh giá theo quy định tại Phụ lục 4 là “Không đạt” thì sản phẩm chưa đáp ứng không được nghiệm thu, thanh toán.</p>
	1. Công tác nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được tổ chức như sau:			2. Công tác nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được tổ chức như sau:
	a) Nghiệm thu hàng tháng, hàng quý (03 tháng) do Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tổ chức thực hiện.	TCT BDATHHVN: đề nghị chỉnh sửa ”Nghiệm thu hàng tháng, hàng quý (03 tháng) do Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tổ chức thực hiện”	Tiếp thu	a) Nghiệm thu hàng tháng do đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tổ chức thực hiện.
	b) Nghiệm thu định kỳ 06 tháng và 01 năm do Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tổ chức thực hiện.			b) Nghiệm thu định kỳ 06 tháng và 01 năm do Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tổ chức thực hiện.
	2. Hồ sơ nghiệm thu			2. Hồ sơ nghiệm thu
	a) Nghiệm thu hàng tháng, hàng quý: Hồ sơ nghiệm thu hàng tháng và hàng quý của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bao gồm: Biên bản nghiệm thu hàng tháng, hàng quý về khối lượng, chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; các loại nhật ký liên quan đến dịch vụ sự nghiệp công; dữ liệu giám sát; xác nhận của các cảng vụ hàng hải, cảng vụ đường thủy nội địa thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và khi vùng hoạt động của các báo hiệu	TCT BDATHH VN: đề nghị chỉnh sửa ”a) Nghiệm thu hàng tháng, hàng quý: Hồ sơ nghiệm thu hàng tháng và hàng quý của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bao gồm: Biên bản nghiệm thu hàng tháng, hàng quý về khối lượng, chất lượng...”	Tiếp thu	a) Nghiệm thu hàng tháng: Hồ sơ nghiệm thu hàng tháng của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bao gồm: Biên bản nghiệm thu hàng tháng về khối lượng, chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; các loại nhật ký liên quan đến dịch vụ sự nghiệp công; dữ liệu giám sát; xác nhận của các cảng vụ hàng hải, cảng vụ đường thủy nội địa thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và khi vùng hoạt động của các báo hiệu hàng hải không có các cơ

	hàng hải không có các cơ quan này thì lấy xác nhận của các cơ quan, đơn vị liên quan, kèm theo các hồ sơ nghiệm thu có liên quan của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.			quan này thì lấy xác nhận của các cơ quan, đơn vị liên quan, kèm theo các hồ sơ nghiệm thu có liên quan của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.
	b) Nghiệm thu định kỳ 06 tháng và 01 năm: Hồ sơ phục vụ nghiệm thu định kỳ 06 tháng và 01 năm bao gồm: Báo cáo hàng tháng, hàng quý công tác cung cấp dịch vụ của Đơn vị cung cấp sự nghiệp công kèm theo các hồ sơ quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 7 Thông tư này.	TCT BÐATHVN: đề nghị chỉnh sửa "b) Nghiệm thu định kỳ 06 tháng và 01 năm: Hồ sơ phục vụ nghiệm thu định kỳ 06 tháng và 01 năm bao gồm: Báo cáo hàng tháng, hàng quý công tác cung cấp dịch vụ của Đơn vị cung cấp sự nghiệp công kèm theo các hồ sơ quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 7 Thông tư này."	Tiếp thu	b) Nghiệm thu định kỳ 06 tháng và 01 năm: Hồ sơ phục vụ nghiệm thu định kỳ 06 tháng và 01 năm bao gồm: Báo cáo 06 tháng đầu năm hoặc cả năm công tác cung cấp dịch vụ của Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công kèm theo các hồ sơ quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 7 Thông tư này và kết quả nghiệm thu hàng tháng của Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.
	3. Các biểu mẫu biên bản nghiệm thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công được quy định tại Phụ lục 5, Phụ lục 6, Phụ lục 7, Phụ lục 8 kèm theo Thông tư này .			3. Các biểu mẫu báo cáo, biên bản nghiệm thu, nhật ký được quy định tại Phụ lục 5, Phụ lục 6, Phụ lục 7, Phụ lục 8 kèm theo Thông tư này.
	Điều 8. Trách nhiệm của các bên			Điều 8. Trách nhiệm của các bên
	1. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có trách nhiệm: Căn cứ vào báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm và cả năm của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, hồ sơ quy định tại khoản b khoản 2 Điều 7 Thông tư này và kết quả kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường, tiến hành nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải 02 lần trong năm (06 tháng đầu năm và cả năm) theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 7 Thông tư này.			1. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có trách nhiệm: Căn cứ vào báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm và cả năm của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, hồ sơ quy định tại khoản b khoản 2 Điều 7 Thông tư này và kết quả kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường, tiến hành đánh giá và nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải 02 lần trong năm (06 tháng đầu năm và cả năm) theo quy định tại Điều 6 và điểm b, khoản 1 Điều 7 Thông tư này.
	2. Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải chịu trách nhiệm:			2. Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải chịu trách nhiệm:
	a) Trước khi thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ công, thực hiện phê duyệt kế hoạch bố trí nhân sự tại trạm quản lý đèn biển, trạm quản lý luồng hàng hải để đảm bảo theo tiêu chuẩn chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.	TCT BÐATHH VN: đề nghị chỉnh sửa "a) Trước khi ... để đảm bảo theo tiêu chuẩn chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.	Tiếp thu,	a) Trước khi thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ công, thực hiện phê duyệt kế hoạch bố trí nhân sự tại trạm quản lý đèn biển, trạm quản lý luồng hàng hải để đảm bảo chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.
	b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu việc thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại điểm Khoản 2 Điều 5 và mục a khoản 1 Điều 7 của Thông tư này bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và Thông tư này và chịu trách nhiệm với kết quả kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu của mình.			b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, nghiệm thu việc thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại điểm Khoản 2 Điều 5 và mục a khoản 1 Điều 7 của Thông tư này bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và Thông tư này và chịu trách nhiệm với kết quả kiểm tra, giám sát, nghiệm thu của mình.
	c) Lập báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm và cả năm gửi Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam làm cơ sở để phục vụ nghiệm thu hoàn thành dịch vụ sự nghiệp công.	Vụ Pháp chế: đề nghị làm rõ có nhiệm vụ "đánh giá" không để đảm bảo tính chính xác do khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 1 Điều 7 dự thảo Thông tư không có nội dung quy định về việc "đánh giá".	Tiếp thu; bổ sung nội dung "đánh giá" tại dự thảo Thông tư	c) Lập báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm và cả năm gửi Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam làm cơ sở để phục vụ nghiệm thu hoàn thành dịch vụ sự nghiệp công.
	d) Thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải nội bộ			d) Thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải nội bộ

	hàng tháng; 06 tháng đầu năm và cả năm, phối hợp với Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện đánh giá theo quy định tại Điều 6.			hàng tháng; 06 tháng đầu năm và cả năm, phối hợp với Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện đánh giá theo quy định tại Điều 6.
				e) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực đối với hồ sơ cung cấp cho Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam để phục vụ nghiệm thu hoàn thành dịch vụ sự nghiệp công.
	3. Cảng vụ hàng hải, cảng vụ đường thủy nội địa khu vực có trách nhiệm : Hàng tháng xác nhận tình trạng hoạt động của báo hiệu hàng hải, các vụ việc đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải trong phạm vi quản lý. Các biểu mẫu biên bản xác nhận được quy định tại Phụ lục 9 kèm theo Thông tư này. Đối với phạm vi ngoài sự quản lý của cảng vụ hàng hải và cảng vụ đường thủy nội địa khu vực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải có trách nhiệm đề nghị cơ quan, đơn vị liên quan tại khu vực xác nhận tình trạng hoạt động của báo hiệu hàng hải.			3. Cảng vụ hàng hải, cảng vụ đường thủy nội địa khu vực có trách nhiệm : Hàng tháng xác nhận tình trạng hoạt động của báo hiệu hàng hải, các vụ việc đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải trong phạm vi quản lý. Các biểu mẫu biên bản xác nhận được quy định tại Phụ lục 9 kèm theo Thông tư này.
Điều 7. Hiệu lực thi hành.	Điều 9. Điều khoản thi hành			Điều 9. Điều khoản thi hành
Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020	1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .../.../2026.			1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .../.../2026.
	2. Bãi bỏ Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải			2. Bãi bỏ Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải
	3. Bãi bỏ Điều 2 Thông tư số 27/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển.			3. Bãi bỏ Điều 2 Thông tư số 27/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển.
Điều 8. Tổ chức thực hiện Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.	Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp Các công việc, hồ sơ đã thực hiện theo quy định của Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải và Điều 2 Thông tư số 27/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được sử dụng để phục vụ công tác nghiệm thu trong năm./.			Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp Các công việc, hồ sơ đã thực hiện theo quy định của Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải và Điều 2 Thông tư số 27/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được sử dụng để phục vụ công tác nghiệm thu trong năm./.
II. Các ý kiến khác				
Ý kiến góp ý		Tiếp thu, giải trình		
1. Vụ KHCNMT&VLXD				

<p>Đề nghị làm rõ việc không quy định tiêu chí kiểm tra bố trí nhân sự tại các trạm đèn biển trong phần Phụ lục 1, Phụ lục 2 của dự thảo Thông tư.</p>	<p>Giải trình: Trước đây, Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT ngày 30/10/2019 và Thông tư số 27/2021/TT-BGTVT ngày 30/11/2021 quy định nhân lực là một trong những tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải. Quy định này được xây dựng trên cơ sở Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, theo đó doanh nghiệp phải xây dựng kế hoạch lao động hằng năm làm cơ sở tuyển dụng, sử dụng lao động và phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu cho ý kiến trước khi phê duyệt. Hiện nay, cơ chế quản lý đã có sự thay đổi. Theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp thực hiện tuyển dụng và sử dụng lao động phù hợp với tổ chức lao động, tổ chức sản xuất và yêu cầu nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh; bảo đảm công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật, nội quy, quy chế và Điều lệ doanh nghiệp. Đồng thời, pháp luật hiện hành không còn quy định việc doanh nghiệp phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu để cho ý kiến trước khi phê duyệt kế hoạch lao động, mà giao cho doanh nghiệp chủ động quyết định việc bố trí, sử dụng lao động. Quy định này tiếp tục được thể hiện tại Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025, theo đó doanh nghiệp chủ động xây dựng và ban hành quy chế quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng để tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó, theo Luật số 68/2025/QH15 về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan đại diện chủ sở hữu không can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và tổ chức bộ máy của doanh nghiệp, mà tập trung vào việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của doanh nghiệp. Vì vậy, dự thảo Thông tư không quy định việc bố trí nhân lực là tiêu chí cứng để đánh giá chất lượng mà được xác định là phương án tổ chức thực hiện của Đơn vị cung ứng dịch vụ và được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 dự thảo Thông tư.</p>
<p>Đề nghị làm rõ cơ sở bổ sung tiêu chí "Công tác kiểm tra thường xuyên đê kè" trong Phụ lục 2 của dự thảo Thông tư.</p>	<p>Giải trình: Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Tiêu chí “Công tác kiểm tra thường xuyên đê kè” được rút gọn từ Phụ lục 3 Thông tư cũ quy định về “Tiêu chí chất lượng dịch vụ QLVH, bảo trì hệ thống đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng” đề phù hợp công việc quản lý vận hành luồng hàng hải được ban hành kèm theo Thông tư 38/2021/TT-BGTVT ngày 30/12/2021 của Bộ GTVT.</p>
<p>2. Vụ Pháp chế Tại điểm 1.2 mục 1 phần I của dự thảo Tờ trình có nêu các văn bản quy phạm pháp luật là cơ sở pháp lý để ban hành Thông tư. Tuy nhiên, nội dung này chưa chỉ ra căn cứ pháp lý trực tiếp, rõ ràng làm cơ sở để đề xuất xây dựng, ban hành dự thảo Thông tư. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ cơ sở pháp lý trực tiếp để đề xuất xây dựng, ban hành Thông tư và xác định rõ việc đề xuất xây dựng Thông tư căn cứ vào trường hợp nào theo quy định tại Điều 18 Luật Ban hành văn bản QPPL để đảm bảo dự thảo Thông tư được xây dựng, ban hành đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật.</p>	<p>Giải trình - Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ: “b) Ban hành, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền: - Định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ công làm cơ sở ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công. - Đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công; mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích của bộ, cơ quan trung ương theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan. - Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc bộ, cơ quan trung ương.” - Theo quy định tại điểm b, khoản 21 Điều 2 của Nghị định số 33/2025/NĐ-CP: “b) Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công; cơ chế kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ công, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công thuộc lĩnh vực quản lý;” - Việc đề xuất xây dựng Thông tư căn cứ vào khoản 2 Điều 18 Luật Ban hành văn bản QPPL.2021. - Điều 38 Nghị định 32/2019/NĐ-CP quy định về kiểm tra, giám sát việc thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của bộ, cơ quan trung ương từ nguồn ngân sách trung ương</p>
<p>Tại biểu mẫu số 01 của Phụ lục V: đề nghị làm rõ nội dung của biểu mẫu này được sửa dụng trong trường hợp nào do điểm a, b khoản 2 Điều 7 dự thảo Thông tư không có nội dung quy định về biểu mẫu này. Đồng thời, đề nghị rà soát tương tự với các mẫu còn lại</p>	<p>Tiếp thu</p>
<p>3. Cục KCHTXD Về thành phần hồ sơ: đề nghị rà soát để đảm bảo đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Quyết định số 706/QĐ-BXD ngày 28/5/2025 của Bộ Xây dựng. Rà soát, bổ sung, cập nhật, đánh giá thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các quy định tại Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT ngày 30/10/2019, Thông tư số 27/2021/TTBGTVT ngày 30/11/2021.</p>	<p>Hồ sơ trình dự thảo Thông tư đã bao gồm đủ các thành phần theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Quyết định số 706/QĐ-BXD ngày 28/5/2025 của Bộ Xây dựng Nội dung này đã nêu rõ trong tờ trình dự thảo thông tư và Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật.</p>

Phụ lục 1
TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ ĐÈN BIỂN, ĐĂNG TIÊU ĐỘC LẬP

Tiêu chí chất lượng dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập			Tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập			Thuyết minh sửa đổi, bổ sung
Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng	Hạng mục/Tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng	
1. Chức năng của báo hiệu			1. Chức năng của báo hiệu			
1.1. Báo hiệu thị giác			1.1. Báo hiệu thị giác			
1.1.1. Đặc tính ánh sáng (màu sắc, đặc tính chớp, chu kỳ chớp)	- Quan sát, đánh giá trực quan màu sắc ánh sáng, đặc tính chớp; - Dùng đồng hồ bấm giây thực hiện đo chu kỳ chớp.	- Phù hợp với đặc tính ánh sáng đã công bố tại thông báo hàng hải. - Sai số tương đối chu kỳ chớp cho phép $\pm 10\%$ chu kỳ.	Đặc tính ánh sáng (màu sắc, đặc tính chớp)	- Quan sát trực quan màu sắc ánh sáng, đặc tính chớp; - Dùng đồng hồ bấm giây thực hiện đo chu kỳ chớp.	- Phù hợp với đặc tính ánh sáng đã được công bố thông báo hàng hải. - Sai số tương đối chu kỳ chớp cho phép $\pm 10\%$ chu kỳ.	Cập nhật từ ngữ
1.1.2. Tầm hiệu lực của báo hiệu (ban ngày, ban đêm)	Sử dụng phương tiện di chuyển từ xa về phía đèn (hoặc từ đèn ra xa), trực quan kết hợp hải đồ, la bàn, thiết bị định vị vệ tinh hoặc sử dụng thiết bị đo đạc, kiểm tra, tính toán xác định tầm hiệu lực của báo hiệu.	- Phù hợp với tầm hiệu lực đã được công bố tại thông báo hàng hải. - Trong vùng hiệu lực ban ngày của đèn biển phải đảm bảo quan sát và dễ dàng nhận biết được: thân đèn; các màu sắc khác nhau phân biệt rõ nét, mỗi màu riêng biệt phải đồng nhất. Trong vùng hiệu lực báo hiệu, tầm hiệu lực ánh sáng của đèn biển xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được phép thấp hơn 75% giá trị tầm hiệu lực ánh sáng đã được công bố của đèn biển.	1.1.2. Tầm hiệu lực của báo hiệu (ban ngày, ban đêm)	Sử dụng phương tiện thủy kết hợp trong các chuyến tiếp tế định kỳ di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa), quan sát bằng mắt thường, kết hợp hải đồ và thiết bị hành hải trên tàu (GPS, radar, ECDIS, AIS...) để xác định khoảng cách từ vị trí người quan sát bắt đầu nhận biết (hoặc không nhận biết) được báo hiệu.	- Phù hợp với tầm hiệu lực đã được công bố tại thông báo hàng hải. - Trong phạm vi tầm hiệu lực ban ngày, trong điều kiện kiểm tra bình thường báo hiệu phải đảm bảo nhận biết được bằng mắt thường. - Tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được phép thấp hơn 75% tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải.	Thể hiện rõ ràng hơn về phương pháp xác định
1.1.3. Hình dáng báo hiệu	Quan sát, đánh giá trực quan hình dáng báo hiệu.	Phù hợp với hình dáng báo hiệu đã được công bố tại thông báo hàng hải.	1.1.3. Hình dáng báo hiệu	Quan sát trực quan hình dáng báo hiệu.	- Phù hợp với hình dáng báo hiệu đã được công bố thông báo hàng hải.	
1.1.4. Màu sắc báo hiệu	Quan sát, đánh giá trực quan màu sắc báo hiệu.	Phù hợp với màu sắc báo hiệu đã được công bố tại thông báo hàng hải.	1.1.4. Màu sắc báo hiệu	Quan sát, đánh giá trực quan màu sắc báo hiệu.	- Phù hợp với màu sắc báo hiệu đã được công bố thông báo hàng hải.	
1.2. Báo hiệu vô tuyến (racon, AIS,...)			1.2. Báo hiệu vô tuyến điện (AIS, racon)			
1.2.1. Thông tin truyền phát, đặc tính	- Sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra các thông tin do báo hiệu hàng hải AIS cung cấp. - Sử dụng ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện thủy để kiểm tra mã nhận dạng của Racon.	Phù hợp với các thông số truyền phát thông tin được công bố tại thông báo hàng hải.	1.2.1. Thông tin truyền phát, đặc tính	- Sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra các thông tin do báo hiệu hàng hải AIS cung cấp. - Sử dụng ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện thủy để kiểm tra mã nhận dạng của Racon.	- Phù hợp với các thông số truyền phát thông tin đã được công bố thông báo hàng hải.	
1.2.2. Tầm hiệu lực	Sử dụng phương tiện thủy di chuyển từ xa về phía đèn kết hợp ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện để kiểm tra tầm hiệu lực của Racon	- Phù hợp với các thông số tầm hiệu lực của báo hiệu vô tuyến được công bố tại thông báo hàng hải. - Trong vùng hiệu lực báo hiệu, tầm hiệu lực của báo hiệu racon xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được thấp hơn 98% giá trị tầm hiệu lực được công bố.	1.2.2. Tầm hiệu lực	- Sử dụng phương tiện thủy kết hợp trong các chuyến tiếp tế định kỳ di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa) để xác định khoảng cách từ tàu bắt đầu thu nhận (hoặc không thu nhận) được tín hiệu báo hiệu hàng hải AIS. - Sử dụng phương tiện thủy kết hợp trong các	- Tầm hiệu lực của báo hiệu AIS, Racon xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được thấp hơn 98% tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải.	Thể hiện rõ ràng hơn về phương pháp xác định

				chuyển tiếp tế định kỳ di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa) kết hợp ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện để xác định khoảng cách từ tàu bắt đầu thu nhận (hoặc không thu nhận) được tín hiệu Racon.		
2. Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu (Mục 2)			2. Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu đèn biển			
2.1. Báo hiệu ánh sáng (đèn báo hiệu)	- Kiểm tra nhật ký hoạt động của đèn. - Kiểm tra thực tế tính sẵn sàng, tình trạng hoạt động.	- Đối với đèn biển bố trí tối thiểu 02 bộ thiết bị báo hiệu ánh sáng (01 bộ chính và 01 bộ dự phòng) thỏa mãn yêu cầu về đặc tính và tầm hiệu lực báo hiệu. - Trong trường hợp đèn chính bị sự cố, đèn dự phòng phải được kích hoạt hoạt động, thời gian kích hoạt không quá 03 phút.	2.1. Báo hiệu ánh sáng (đèn báo hiệu)	- Kiểm tra nhật ký hoạt động của đèn báo hiệu. - Kiểm tra tính sẵn sàng (số lượng, tình trạng hoạt động).	- Đối với đèn biển bố trí tối thiểu 02 bộ thiết bị báo hiệu ánh sáng: 01 bộ đèn chính thỏa mãn với thông báo hàng hải về đặc tính ánh sáng, tầm hiệu lực và 01 bộ đèn dự phòng có đặc tính ánh sáng giống với đèn chính, tầm hiệu lực tối thiểu bằng 75% đèn chính. - Trong trường hợp đèn chính bị sự cố, đèn dự phòng phải được kích hoạt hoạt động, thời gian kích hoạt không quá 03 phút.	Trình bày lại nội dung cho rõ ràng hơn
2.2. Nguồn cung cấp năng lượng điện (điện lưới, pin năng lượng mặt trời, bộ nạp ắc-quy, ắc-quy, máy phát điện, máy biến áp, bộ đổi điện)	- Kiểm tra nhật ký hoạt động. - Kiểm tra thực tế tính sẵn sàng, tình trạng hoạt động.	Có ít nhất 02 hệ thống nguồn cung cấp năng lượng điện độc lập, bảo đảm khả năng cung cấp điện 24/24h.	2.2. Nguồn cung cấp năng lượng điện (điện lưới, pin năng lượng mặt trời, máy phát điện)	- Kiểm tra các nhật ký có liên quan. - Kiểm tra tính sẵn sàng (số lượng, tình trạng hoạt động).	Có ít nhất 02 hệ thống nguồn cung cấp năng lượng điện độc lập, bảo đảm khả năng cung cấp điện 24/24h.	
2.3. Thiết bị thông tin liên lạc (máy VHF, MF/HF, điện thoại)	- Kiểm tra hoạt động của máy thông tin trên các tần số trực kênh hàng hải, trực kênh thông tin nội bộ. - Kiểm tra số lượng, chủng loại thiết bị, tình trạng hoạt động.	Bố trí ít nhất 01 hệ thống thông tin thường trực và 01 hệ thống thông tin dự phòng phù hợp.	2.2. Thiết bị thông tin liên lạc (máy VHF/ MF/HF/điện thoại)	- Kiểm tra hoạt động của thiết bị thông tin liên lạc. - Kiểm tra số lượng, chủng loại thiết bị, tình trạng hoạt động.	- Đơn vị quản lý báo hiệu hàng hải phải có trung tâm thông tin được trang bị tối thiểu 01 hệ thống thông tin vô tuyến (VHF/HF/MF) và 01 hệ thống thông tin vô tuyến dự phòng đảm bảo liên lạc từ trung tâm thông tin đến các trạm quản lý đèn biển. - Trạm quản lý đèn biển có người thường trực phải được trang bị tối thiểu 02 thiết bị thông tin liên lạc vô tuyến phù hợp.	Trình bày lại nội dung cho rõ ràng hơn
3. Nhân sự bố trí tại các trạm đèn biển						
Kiểm tra nhân lực bố trí tại trạm	Kiểm tra số lượng nhân sự theo danh sách được bố trí tại trạm.	Bảo đảm nhân sự bố trí tại trạm theo kế hoạch sử dụng lao động của đơn vị				
4. Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình			3. Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình			
4.1. Bảo trì, sửa chữa công trình	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.	- Các thông số kỹ thuật theo thiết kế, quy trình bảo trì được duyệt. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.	3.1. Bảo trì, sửa chữa công trình	Kiểm tra hiện trạng thực tế công trình, đối chiếu với hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công.	Phù hợp với hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công.	
4.2. Bảo trì, sửa chữa cơ khí			3.2. Bảo trì, sửa chữa cơ khí			
4.2.1. Bảo trì, sửa chữa phương tiện thủy, bộ	- Kiểm tra trực quan thực tế vận hành của sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Các thông số kỹ thuật theo thiết kế. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình. - Phương tiện thủy sau khi bảo trì, sửa chữa được cơ quan đăng kiểm cấp các Giấy chứng nhận theo quy định.	3.2.1. Bảo trì, sửa chữa phương tiện thủy, bộ	- Kiểm tra trực quan thực tế vận hành của phương tiện. - Kiểm tra hồ sơ hoàn công.	- Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn công. - Phương tiện thủy sau khi bảo trì, sửa chữa được cơ quan đăng kiểm cấp các Giấy chứng nhận theo quy định. - Phương tiện giao thông đường bộ có Giấy chứng nhận đăng kiểm còn hiệu lực.	Trình bày lại nội dung cho ngắn gọn, rõ ràng hơn

		- Phương tiện giao thông đường bộ có Giấy chứng nhận đăng kiểm còn hiệu lực.																										
4.2.2. Bảo trì, sửa chữa thiết bị (thiết bị đèn; thông tin liên lạc; vô tuyến điện; thiết bị cung cấp nguồn năng lượng)	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật của nhà cung cấp thiết bị. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.	3.2.2. Bảo trì, sửa chữa thiết bị: thiết bị báo hiệu, thông tin liên lạc, thiết bị cung cấp nguồn năng lượng.	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ bảo trì, sửa chữa.	- Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ bảo trì, sửa chữa. - Các giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước (nếu có).	Trình bày lại nội dung cho ngắn gọn, rõ ràng hơn																						
4.2.3. Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế. - Đáp ứng theo tiêu chuẩn hiện hành về chống sét trong công trình xây dựng. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.	3.2.3. Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra điện trở tiếp đất chống sét. - Kiểm tra hồ sơ bảo trì, sửa chữa.	- Đáp ứng thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn hiện hành. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ bảo trì, sửa chữa.	Trình bày lại nội dung cho ngắn gọn, rõ ràng hơn																						
4.2.4. Bảo trì, sửa chữa máy phát điện	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật của nhà cung cấp. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.				Bảo trì máy phát điện đã nằm trong mục 3.2.2																						
5. Công tác quản lý			4. Công tác quản lý																									
	- Kiểm tra công tác ghi chép nhật ký (tại trạm và phương tiện). - Kiểm tra việc bố trí phương tiện phục vụ quản lý vận hành. - Kiểm tra thông báo hàng hải.	- Ghi chép nhật ký đầy đủ. - Bố trí phương tiện bảo đảm an toàn, phù hợp điều kiện địa lý của khu vực quản lý và quy định của quy chuẩn kỹ thuật về phương tiện. - Các đặc tính báo hiệu đã công bố thông báo hàng hải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hàng hải.		- Kiểm tra nhật ký tại trạm. - Kiểm tra việc bố trí phương tiện phục vụ quản lý vận hành (nếu có). - Kiểm tra tình trạng hoạt động của báo hiệu và xác nhận của cơ quan chức năng.	- Ghi chép nhật ký đầy đủ. - Phương tiện (nếu có) bảo đảm an toàn, phù hợp điều kiện địa lý của khu vực quản lý và quy định của quy chuẩn kỹ thuật về phương tiện. - Có xác nhận của cơ quan chức năng về tình trạng hoạt động của báo hiệu. - Các đặc tính của báo hiệu phù hợp thông báo hàng hải gần nhất.	Trình bày lại nội dung cho ngắn gọn, rõ ràng hơn																						
6. Chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập			6. Chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập																									
	- Chỉ số khả dụng của báo hiệu tính toán theo công thức sau: $A = \frac{T - t}{T} \times 100\%$ Trong đó: + A là chỉ số khả dụng tính bằng %; + T là thời gian đánh giá hoạt động của đèn biển, đăng tiêu độc lập (ứng với chu kỳ đánh giá là 6 tháng và 01 năm, được tính bằng ngày); + t là tổng thời gian (được tính quy đổi ra đơn vị ngày) mà đèn biển, đăng tiêu độc lập không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng đã được cơ quan có thẩm quyền công bố (sai lệch quá mức cho phép).”	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu như sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Đèn biển, đăng tiêu độc lập</th> <th colspan="2">Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu</th> </tr> <tr> <th>T=6 tháng</th> <th>T= 1 năm</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Có người tại trạm</td> <td>98,8%</td> <td>99,4%</td> </tr> <tr> <td>Không có người tại trạm</td> <td>97,8%</td> <td>98,9%</td> </tr> </tbody> </table>	Đèn biển, đăng tiêu độc lập	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu		T=6 tháng	T= 1 năm	Có người tại trạm	98,8%	99,4%	Không có người tại trạm	97,8%	98,9%		- Chỉ số khả dụng của báo hiệu tính toán theo công thức sau: $A = \frac{T - t}{T} \times 100\%$ Trong đó: + A là chỉ số khả dụng tính bằng %; + T là thời gian đánh giá hoạt động của đèn biển, đăng tiêu độc lập (số ngày ứng với chu kỳ đánh giá là 6 tháng và 01 năm, được tính bằng ngày); + t là tổng thời gian (được tính quy đổi ra đơn vị ngày) mà đèn biển, đăng tiêu độc lập không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng tại thông báo hàng hải gần nhất của cơ quan có thẩm quyền công bố không bao gồm thời	Chỉ số khả dụng phải được đáp ứng tối thiểu như sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Đèn biển, đăng tiêu độc lập</th> <th colspan="2">Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu</th> </tr> <tr> <th>T=6 tháng</th> <th>T= 1 năm</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đèn biển có người thường trực</td> <td>98,8%</td> <td>99,4%</td> </tr> <tr> <td>Đèn biển không có người thường trực</td> <td>97,8%</td> <td>98,9%</td> </tr> </tbody> </table>	Đèn biển, đăng tiêu độc lập	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu		T=6 tháng	T= 1 năm	Đèn biển có người thường trực	98,8%	99,4%	Đèn biển không có người thường trực	97,8%	98,9%	Cập nhật theo TCVN Yêu cầu chất lượng dịch vụ quản lý vận hành đèn biển đang được xây dựng
Đèn biển, đăng tiêu độc lập	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu																											
	T=6 tháng	T= 1 năm																										
Có người tại trạm	98,8%	99,4%																										
Không có người tại trạm	97,8%	98,9%																										
Đèn biển, đăng tiêu độc lập	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu																											
	T=6 tháng	T= 1 năm																										
Đèn biển có người thường trực	98,8%	99,4%																										
Đèn biển không có người thường trực	97,8%	98,9%																										

				gian dưng hoạt động do nguyên nhân bất khả kháng (do thiên tai, dịch bệnh,...)		
--	--	--	--	---	--	--

Phụ lục 2

TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ BÁO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG

Tiêu chí chất lượng dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu luồng hàng hải công cộng như sau			Tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng			Thuyết minh
Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng	Hạng mục/Tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng	
1. Chức năng của báo hiệu			1. Chức năng của báo hiệu			
1.1. Vị trí báo hiệu nổi	- Kiểm tra vị trí thực tế phao báo hiệu dẫn luồng bằng máy định vị cầm tay. - Sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra vị trí đối với báo hiệu có lắp AIS.	- Phù hợp với vị trí của báo hiệu được công bố tại thông báo hàng hải. - Đối với báo hiệu vùng nước an toàn và hai bên luồng: Vị trí tâm báo hiệu không được dịch chuyển quá 1,5 lần bán kính quay vòng của báo hiệu theo phương ngang luồng và 3,0 lần bán kính quay vòng của báo hiệu theo phương dọc luồng. - Đối với báo hiệu chuyên hướng luồng, báo hiệu chuyên dùng, báo hiệu phương vị, báo hiệu chướng ngại vật biệt lập và báo hiệu chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện; Vị trí tâm báo hiệu không được dịch chuyển quá 1,5 lần bán kính quay vòng của báo hiệu. - Bán kính quay vòng của báo hiệu được xác định theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu hàng hải.	1.1 Vị trí báo hiệu nổi	- Kiểm tra vị trí thực tế báo hiệu nổi bằng máy định vị cầm tay. - Đối với báo hiệu có lắp AIS, sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra vị trí.	Vị trí của báo hiệu nổi phù hợp với thông báo hàng hải đã được công bố, không vượt quá độ lệch cho phép theo quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu hàng hải.	Trình bày gọn, dẫn chiếu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về BHHH
1.2. Báo hiệu thị giác			1.2. Báo hiệu thị giác			
1.2.1. Đặc tính ánh sáng (màu sắc, đặc tính chớp, chu kỳ chớp)	- Quan sát, đánh giá trực quan màu sắc ánh sáng, đặc tính chớp; - Dùng đồng hồ bấm giây thực hiện đo chu kỳ chớp.	- Phù hợp với đặc tính ánh sáng đã công bố tại thông báo hàng hải (bao gồm cả tính chất chớp đồng bộ nếu có). - Sai số tương đối chu kỳ chớp cho phép $\pm 10\%$ chu kỳ.	1.2.1. Đặc tính ánh sáng (màu sắc, đặc tính chớp)	- Quan sát trực quan màu sắc ánh sáng, đặc tính chớp; - Dùng đồng hồ bấm giây thực hiện đo chu kỳ chớp.	- Phù hợp với đặc tính ánh sáng đã được công bố thông báo hàng hải gần nhất (bao gồm cả tính chất chớp đồng bộ nếu có). - Sai số tương đối chu kỳ chớp cho phép $\pm 10\%$ chu kỳ.	
1.2.2. Tâm hiệu lực của báo hiệu (ban ngày, ban đêm)	Sử dụng phương tiện di chuyển từ xa về phía đèn báo hiệu (hoặc từ đèn báo hiệu ra xa), trực quan kết hợp hải đồ, la bàn, thiết bị định vị vệ tinh hoặc sử dụng thiết bị để đo đạc, kiểm tra, tính toán xác định tâm hiệu lực của báo hiệu	Sửa đổi, bổ sung Mục 1.2.2: Tâm hiệu lực của báo hiệu (ban ngày, ban đêm), cột “Phương pháp xác định” như sau: Tâm hiệu lực của báo hiệu (ban ngày, ban đêm), cột “Yêu cầu đáp ứng” như sau: Phù hợp với đặc tính ánh sáng đã công bố tại thông báo hàng hải và địa hình thực tế tại khu vực (bao gồm cả tính chất chớp đồng bộ nếu có). - Trong vùng hiệu lực ban ngày của báo hiệu phải đảm bảo quan sát và dễ dàng nhận biết được: thân báo hiệu; các màu sắc khác nhau phân biệt rõ nét, mỗi màu riêng biệt phải đồng nhất. Trong vùng hiệu lực báo hiệu, tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được phép thấp hơn 75% giá trị tầm hiệu lực ánh sáng đã được công bố.”	1.2.2. Tâm hiệu lực của báo hiệu (ban ngày, ban đêm)	Sử dụng phương tiện di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa), quan sát bằng mắt thường, kết hợp hải đồ và thiết bị hành hải trên tàu (GPS, radar, ECDIS, AIS...) để xác định khoảng cách từ vị trí người quan sát bắt đầu nhận biết (hoặc không nhận biết) được báo hiệu.	- Phù hợp với tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải. - Trong phạm vi tầm hiệu lực ban ngày, trong điều kiện kiểm tra bình thường báo hiệu phải đảm bảo nhận biết được bằng mắt thường. - Tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được phép thấp hơn 75% tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải.	Trình bày cho gọn, rõ ràng hơn
1.2.3. Hình dáng báo hiệu	Quan sát, đánh giá trực quan hình dáng báo hiệu.	Phù hợp với hình dáng báo hiệu đã được công bố tại thông báo hàng hải.	1.2.3. Hình dáng báo hiệu	Quan sát trực quan hình dáng báo hiệu.	Phù hợp với hình dáng báo hiệu đã được công bố thông báo hàng hải.	

1.2.4. Màu sắc báo hiệu	Quan sát, đánh giá trực quan màu sắc báo hiệu.	Phù hợp với màu sắc báo hiệu đã được công bố tại thông báo hàng hải.	1.2.4. Màu sắc báo hiệu	Quan sát trực quan màu sắc báo hiệu.	Phù hợp với màu sắc báo hiệu đã được công bố thông báo hàng hải.	
Báo hiệu vô tuyến (racon, AIS,...)			1.3. Báo hiệu vô tuyến điện (racon, AIS)			
1.3.1. Thông tin truyền phát, đặc tính	- Sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra các thông tin do báo hiệu hàng hải AIS cung cấp. - Sử dụng ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện thủy để kiểm tra mã nhận dạng của Racon.	Phù hợp với các thông số truyền phát thông tin được công bố tại thông báo hàng hải.	1.3.1. Thông tin truyền phát, đặc tính	- Sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra các thông tin do báo hiệu hàng hải AIS cung cấp. - Sử dụng ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện thủy để kiểm tra mã nhận dạng của Racon.	Phù hợp với các thông số truyền phát thông tin đã được công bố thông báo hàng hải.	Trình bày cho gọn, rõ ràng hơn
1.3.2. Tầm hiệu lực	Sử dụng phương tiện thủy di chuyển từ xa về phía đèn kết hợp ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện để kiểm tra tầm hiệu lực của Racon.	- Phù hợp với các thông số tầm hiệu lực của báo hiệu vô tuyến được công bố tại thông báo hàng hải. - Trong vùng hiệu lực báo hiệu, tầm hiệu lực của báo hiệu racon xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được thấp hơn 95% giá trị tầm hiệu lực được công bố.	1.3.2. Tầm hiệu lực	- Sử dụng phương tiện thủy di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa) để xác định khoảng cách từ tàu bắt đầu thu nhận (hoặc không thu nhận) được tín hiệu báo hiệu hàng hải AIS. - Sử dụng phương tiện thủy di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa) kết hợp ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện để xác định khoảng cách từ tàu bắt đầu thu nhận (hoặc không thu nhận) được tín hiệu Racon.	- Tầm hiệu lực của báo hiệu AIS, Racon xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được thấp hơn 95% tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải.	Trình bày cho gọn, rõ ràng hơn
2. Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu			2. Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu			
2.1. Báo hiệu ánh sáng (đèn báo hiệu)	- Kiểm tra nhật ký hoạt động của đèn. - Kiểm tra thực tế tính sẵn sàng, tình trạng hoạt động.	Bảo đảm tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị	2.1. Báo hiệu ánh sáng (đèn báo hiệu)	- Kiểm tra nhật ký hoạt động của đèn báo hiệu. - Kiểm tra thực tế tính sẵn sàng, tình trạng hoạt động.	- Bảo đảm tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị.	
2.3. Nguồn cung cấp năng lượng tại trạm quản lý báo hiệu	- Kiểm tra nhật ký hoạt động. - Kiểm tra hiện trường về số lượng, tình trạng hoạt động	Hệ thống cung cấp năng lượng điện bảo đảm khả năng sẵn sàng hoạt động	2.3. Nguồn cung cấp năng lượng tại trạm quản lý báo hiệu	- Kiểm tra nhật ký hoạt động. - Kiểm tra hiện trường về số lượng, tình trạng hoạt động.	- Hệ thống cung cấp năng lượng điện bảo đảm khả năng sẵn sàng hoạt động. - Nguồn cung cấp năng lượng điện đảm bảo cho các báo hiệu hàng hải trên luồng hoạt động 24/24h; - Đối với các trạm quản lý báo hiệu chưa có điện lưới được trang bị 02 máy phát điện có công suất phù hợp phục vụ sản xuất, sinh hoạt, đối với các trạm quản lý báo hiệu sử dụng điện lưới được trang bị 01 máy phát điện có công suất phù hợp để dự phòng khi mất điện lưới.	Trình bày cho rõ ràng hơn
2.4. Thiết bị thông tin liên lạc tại trạm quản lý luồng (máy VHF, MF/HF, điện thoại)	- Kiểm tra hoạt động của máy thông tin trên các tần số trực kênh hàng hải, trực kênh thông tin nội bộ. - Kiểm tra số lượng, chủng loại thiết bị, tình trạng hoạt động.	Bố trí ít nhất 01 hệ thống thông tin thường trực và 01 hệ thống thông tin dự phòng phù hợp.	2.4. Thiết bị thông tin liên lạc (máy VHF/MF/HF/điện thoại)	- Kiểm tra hoạt động của thiết bị thông tin liên lạc. - Kiểm tra số lượng, chủng loại thiết bị, tình trạng hoạt động.	- Đơn vị quản lý báo hiệu hàng hải phải có trung tâm thông tin được trang bị tối thiểu 01 hệ thống thông tin vô tuyến (VHF/HF/MF) và 01 hệ thống thông tin vô tuyến dự phòng đảm bảo liên lạc từ trung tâm thông tin đến các trạm quản lý luồng hàng hải. - Trạm quản lý luồng hàng hải có người thường trực phải được trang bị tối thiểu 02 thiết bị thông tin liên lạc vô tuyến phù hợp.	Trình bày cho rõ ràng hơn

3. Nguồn nhân lực tại trạm luồng						
Kiểm tra nhân lực bố trí tại trạm	Kiểm tra số lượng nhân sự theo danh sách được bố trí tại trạm.	Đủ nhân sự trực ca theo quy định.				
4. Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình			3. Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình			
4.1. Bảo trì, sửa chữa công trình	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế, quy trình bảo trì được duyệt. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.	3.1. Bảo trì, sửa chữa công trình	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế, quy trình bảo trì được duyệt. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.	
4.2. Bảo trì, sửa chữa cơ khí			3.2. Bảo trì, sửa chữa cơ khí			
4.2.1. Bảo trì, sửa chữa phương tiện thủy, bộ	- Kiểm tra trực quan thực tế vận hành của sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình. - Phương tiện thủy sau khi bảo trì, sửa chữa được cơ quan đăng kiểm cấp các Giấy chứng nhận theo quy định. - Phương tiện giao thông đường bộ có Giấy chứng nhận đăng kiểm còn hiệu lực.	3.2.1. Bảo trì, sửa chữa phương tiện thủy, bộ	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành. - Phương tiện thủy sau khi bảo trì, sửa chữa được cơ quan đăng kiểm cấp các Giấy chứng nhận theo quy định. - Phương tiện giao thông đường bộ có Giấy chứng nhận đăng kiểm còn hiệu lực.	Trình bày cho rõ ràng hơn
4.2.2. Bảo trì, sửa chữa thiết bị (thiết bị đèn; thông tin liên lạc; vô tuyến điện; thiết bị cung cấp nguồn năng lượng)	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật của nhà cung cấp thiết bị. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.	3.2.2. Bảo trì, sửa chữa thiết bị (thiết bị đèn; thông tin liên lạc; vô tuyến điện; thiết bị cung cấp nguồn năng lượng)	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ bảo trì, sửa chữa. - Các giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước (nếu có).	Trình bày cho rõ ràng hơn
4.2.3. Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế. - Đáp ứng theo tiêu chuẩn hiện hành về chống sét trong công trình xây dựng. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.	3.2.3. Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế. - Đáp ứng theo tiêu chuẩn hiện hành về chống sét. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành.	Trình bày cho rõ ràng hơn
4.2.4. Bảo trì, sửa chữa máy phát điện	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật của nhà cung cấp. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.				Nằm trong mục 4.2.2
			3.2.4. Bảo trì, sửa chữa phao báo hiệu	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật của phao báo hiệu. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành.	Bổ sung công tác này
5. Công tác quản lý tại trạm			5. Công tác quản lý tại trạm			
	- Kiểm tra công tác ghi chép nhật ký (tại trạm và phương tiện). - Kiểm tra việc bố trí phương tiện phục vụ quản lý vận hành. - Kiểm tra thông báo hàng hải.	- Ghi chép nhật ký đầy đủ. - Bố trí phương tiện bảo đảm an toàn, phù hợp điều kiện địa lý của khu vực quản lý và quy định của quy chuẩn kỹ thuật về phương tiện. - Các đặc tính báo hiệu đã công bố thông báo hàng hải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hàng hải.		- Kiểm tra nhật ký tại trạm (trạm và phương tiện); - Kiểm tra việc bố trí phương tiện phục vụ quản lý vận hành; - Kiểm tra tình trạng hoạt động của báo hiệu và xác nhận của cơ quan chức năng; - Kiểm tra dữ liệu AIS hoặc dữ liệu hành trình khác của phương tiện thủy phục vụ công tác tiếp tế; kiểm tra tổng quan, kiểm tra bảo trì; sơn bảo dưỡng báo hiệu hàng hải trên luồng; thay, thả phao báo hiệu hàng hải trên luồng	- Ghi nhật ký đầy đủ; - Phương tiện bảo đảm an toàn, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về phương tiện thủy; - Các đặc tính của báo hiệu phù hợp với thông báo hàng hải gần nhất; - Dữ liệu AIS hoặc dữ liệu giám sát hành trình khác (nếu có) phù hợp với nhật ký và các hồ sơ liên quan.	Trình bày cho rõ ràng hơn
Chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng			Chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng			

- Chỉ số khả dụng của báo hiệu tính toán theo công thức sau:

$$A = \frac{T - t}{T} \times 100\%$$
 Trong đó:
 + A là chỉ số khả dụng tính bằng %;
 + T là thời gian đánh giá hoạt động của báo hiệu hàng hải (ứng với chu kỳ đánh giá là 6 tháng và 01 năm, được tính bằng ngày);
 + t là tổng thời gian (được tính quy đổi ra đơn vị ngày) mà báo hiệu hàng hải không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng đã được cơ quan có thẩm quyền công bố (sai lệch quá mức cho phép) không bao gồm thời gian dừng hoạt động do nguyên nhân bất khả kháng (do thiên tai, dịch bệnh,...);
 - Chỉ số khả dụng tổng hợp của hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng là tỷ lệ phần trăm giữa số lượng báo hiệu đạt yêu cầu chỉ số khả dụng với số lượng báo hiệu trên luồng. Chỉ số này được dùng để đánh giá chất lượng dịch vụ vận hành luồng trong chu kỳ đánh giá.”

- Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu của một báo hiệu ứng với chu kỳ đánh giá 6 tháng như sau:

Loại báo hiệu hàng hải	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng			
	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV
Đăng tiêu, chập tiêu, báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện	97,8	96,6	95,6	94,4
Báo hiệu chuyên hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyên dùng phân luồng giao thông	96,6	95,6	94,4	93,4
Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyên dùng	95,6	94,4	93,4	92,2

- Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu của một báo hiệu ứng với chu kỳ đánh giá 1 năm như sau:

Loại báo hiệu hàng hải	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng			
	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV
Đăng tiêu, chập tiêu, báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, chướng ngại vật	98,9	98,3	97,8	97,2

- Chỉ số khả dụng của báo hiệu tính toán theo công thức sau:

$$A = \frac{T - t}{T} \times 100\%$$

Trong đó:
 + A là chỉ số khả dụng tính bằng %;
 + T là thời gian đánh giá hoạt động của báo hiệu hàng hải (số ngày ứng với chu kỳ đánh giá là 6 tháng và 01 năm);
 + t là tổng thời gian (được tính quy đổi ra đơn vị ngày) mà báo hiệu hàng hải không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng tại thông báo hàng hải gần nhất của cơ quan có thẩm quyền công bố, không bao gồm thời gian dừng hoạt động do nguyên nhân bất khả kháng (do thiên tai, dịch bệnh,...);
 - Chỉ số khả dụng tổng hợp của hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng là tỷ lệ phần trăm giữa số lượng báo hiệu đạt yêu cầu chỉ số khả dụng với lượng báo hiệu trên luồng. Chỉ số này được dùng để đánh giá chất lượng dịch vụ vận hành luồng trong chu kỳ đánh giá.

- Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu của một báo hiệu ứng với chu kỳ đánh giá 6 tháng như sau:

Loại báo hiệu hàng hải	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng			
	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV
Báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện	97,8	97,8	97,8	97,8
Đăng tiêu, chập tiêu, đèn hướng, báo hiệu hàng hải AIS phát thông tin khí tượng thủy văn (trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng)	97,8	96,6	95,6	94,4
Báo hiệu chuyên hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyên dùng phân luồng giao thông	96,6	95,6	94,4	93,4
Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyên dùng	95,6	94,4	93,4	92,2

- Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu của một báo hiệu ứng với chu kỳ đánh giá 1 năm như sau:

Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng				
---	--	--	--	--

Cập nhật theo TCVN Yêu cầu chất lượng dịch vụ quản lý vận hành luồng hàng hải đang được xây dựng

		<table border="1"> <tr> <td>nguy hiểm mới phát hiện</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyên dùng phân luồng giao thông</td> <td>98,3</td> <td>97,8</td> <td>97,2</td> <td>96,7</td> </tr> <tr> <td>Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyên dùng</td> <td>97,8</td> <td>97,2</td> <td>96,7</td> <td>96,1</td> </tr> </table>	nguy hiểm mới phát hiện					Báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyên dùng phân luồng giao thông	98,3	97,8	97,2	96,7	Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyên dùng	97,8	97,2	96,7	96,1			<table border="1"> <thead> <tr> <th>Loại báo hiệu hàng hải</th> <th>Cấp I</th> <th>Cấp II</th> <th>Cấp III</th> <th>Cấp IV</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện</td> <td>98,9</td> <td>98,9</td> <td>98,9</td> <td>98,9</td> </tr> <tr> <td>Đăng tiêu, chấp tiêu, đèn hướng, báo hiệu hàng hải AIS phát thông tin khí tượng thủy văn (trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng)</td> <td>98,9</td> <td>98,3</td> <td>97,8</td> <td>97,2</td> </tr> <tr> <td>Báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyên dùng phân luồng giao thông</td> <td>98,3</td> <td>97,8</td> <td>97,2</td> <td>96,7</td> </tr> <tr> <td>Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyên dùng</td> <td>97,8</td> <td>97,2</td> <td>96,7</td> <td>96,1</td> </tr> </tbody> </table>	Loại báo hiệu hàng hải	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện	98,9	98,9	98,9	98,9	Đăng tiêu, chấp tiêu, đèn hướng, báo hiệu hàng hải AIS phát thông tin khí tượng thủy văn (trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng)	98,9	98,3	97,8	97,2	Báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyên dùng phân luồng giao thông	98,3	97,8	97,2	96,7	Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyên dùng	97,8	97,2	96,7	96,1	
nguy hiểm mới phát hiện																																														
Báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyên dùng phân luồng giao thông	98,3	97,8	97,2	96,7																																										
Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyên dùng	97,8	97,2	96,7	96,1																																										
Loại báo hiệu hàng hải	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV																																										
Báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện	98,9	98,9	98,9	98,9																																										
Đăng tiêu, chấp tiêu, đèn hướng, báo hiệu hàng hải AIS phát thông tin khí tượng thủy văn (trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng)	98,9	98,3	97,8	97,2																																										
Báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyên dùng phân luồng giao thông	98,3	97,8	97,2	96,7																																										
Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyên dùng	97,8	97,2	96,7	96,1																																										
		<p>- Chỉ số khả dụng tổng hợp yêu cầu tối thiểu của hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng phải $\geq 90\%$.</p> <p>- Phân cấp luồng hàng hải theo TCVN 10704:2015.</p>			<p>- Chỉ số khả dụng tổng hợp yêu cầu tối thiểu của hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng phải $\geq 90\%$.</p> <p>- Phân cấp luồng hàng hải theo tiêu chuẩn yêu cầu chất lượng dịch vụ vận hành luồng hàng hải.</p>																																									
		Công tác kiểm tra thường xuyên đê kè																																												
		Kiểm tra thường xuyên																																												

				- Kiểm tra nhật ký.	- Nhật ký được ghi chép đầy đủ. - Số lần thực hiện đảm bảo theo định mức kinh tế kỹ thuật.	Trình bày lại mục này, đảm bảo đúng theo công việc thực hiện
--	--	--	--	---------------------	---	--

Phụ lục 3

TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KHẢO SÁT ĐỊNH KỲ PHỤC VỤ CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI ĐỐI VỚI LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG (BAO GỒM CẢ VỊ TRÍ ĐÓN TRẢ HOA TIÊU)

Tiêu chí chất lượng dịch vụ khảo sát phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vùng đón trả hoa tiêu)			Tiêu chí chất lượng dịch vụ khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu)			Thuyết minh
Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng	Hạng mục/Tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng	
Thiết bị, phương tiện và hệ thống mốc khảo sát (không chế cao độ và tọa độ)	- Kiểm tra hồ sơ hiệu chuẩn và kiểm định thiết bị khảo sát, - Kiểm tra hồ sơ đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy phục vụ khảo sát. - Kiểm tra hồ sơ hệ thống mốc khảo sát.	- Phù hợp với nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát. - Hồ sơ hiệu chuẩn và kiểm định của thiết bị khảo sát còn hiệu lực tại thời điểm khảo sát. - Hồ sơ đăng ký, đăng kiểm của phương tiện thủy phục vụ khảo sát còn hiệu lực tại thời điểm khảo sát. - Hệ thống mốc khảo sát đáp ứng theo tiêu chuẩn và quy định hiện hành.				Viết gán gọn trong phần hồ sơ khảo sát
Tần suất khảo sát	- Kiểm tra số lần thực hiện và thời gian giữa các lần khảo sát.	- Theo tần suất khảo sát được Bộ Giao thông vận tải quy định.	Tần suất khảo sát	- Kiểm tra số lần thực hiện và thời gian giữa các lần khảo sát.	- Phù hợp với tần suất khảo sát theo quy định. - Thời gian khảo sát phù hợp với Quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	Trình bày lại cho rõ ràng hơn
Hồ sơ khảo sát	- Kiểm tra nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát. - Kiểm tra Thông báo hàng hải được ban hành theo kết quả khảo sát. - Kiểm tra Báo cáo kết quả khảo sát (bảng đo sâu, số thủy trí, nhật ký khảo sát, nhiệm vụ khảo sát... đĩa CD (hoặc USB) có chứa các tệp hồ sơ khảo sát). - Kiểm tra Bình đồ khảo sát luồng hàng hải (tỷ lệ bình đồ, phạm vi đo vẽ, khoảng cách giữa các tuyến đo)	- Hồ sơ khảo sát đầy đủ, phù hợp với nhiệm vụ và phương án kỹ thuật, trình bày đúng quy định và đảm bảo tính pháp lý. - Thông báo hàng hải được ban hành kịp thời, phù hợp với kết quả khảo sát, theo đúng biểu mẫu quy định. - Đáp ứng yêu cầu của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 10336:2015 - Khảo sát độ sâu trong lĩnh vực hàng hải.	Hồ sơ khảo sát	- Kiểm tra nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát. - Kiểm tra Báo cáo kết quả khảo sát (bảng đo sâu, số thủy trí, nhật ký khảo sát, nhiệm vụ khảo sát, thiết bị khảo sát, mốc không chế, dữ liệu khảo sát...) thu thập tại hiện trường; bình đồ khảo sát luồng hàng hải (tỷ lệ, phạm vi và khoảng cách giữa các tuyến đo...) - Kiểm tra hồ sơ đề nghị công bố thông báo hàng hải.	- Hồ sơ khảo sát đầy đủ, phù hợp với nhiệm vụ và phương án kỹ thuật, trình bày đúng quy định và đảm bảo tính pháp lý. - Hồ sơ đề nghị công bố thông báo hàng hải được ban hành kịp thời, phù hợp với kết quả khảo sát. - Đáp ứng nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát đã được phê duyệt.	Trình bày lại cho rõ ràng, ngắn gọn hơn

Phụ lục 4

TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ NHIỆM VỤ ĐỘT XUẤT BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI

Tiêu chí chất lượng dịch vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải			Tiêu chí chất lượng dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải			Thuyết minh
Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng	

Chất lượng thực hiện công tác đột xuất đảm bảo an toàn hàng hải	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm; - Kiểm tra hồ sơ khắc phục sự cố;	- Xử lý kịp thời các sự cố đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. - Có đầy đủ hồ sơ thể hiện việc khắc phục sự cố theo quy định	Công tác xử lý nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải	Kiểm tra hồ sơ khắc phục sự cố.	- Phù hợp với yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và quy định có liên quan. - Có đầy đủ hồ sơ thể hiện việc khắc phục sự cố theo quy định.	
			Phụ lục 5 Các biểu mẫu kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công vận hành hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập			Bổ sung chi tiết các biểu mẫu nghiệm thu, đánh giá và xác nhận
			Phụ lục 6 Các biểu mẫu kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng			
			Phụ lục 7 Biên bản kiểm tra đánh giá chất lượng dịch vụ khảo sát định kỳ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu)			
			Phụ lục 8 Biên bản kiểm tra đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn			
			Phụ lục 9 Biểu mẫu xác nhận tình trạng hoạt động của báo hiệu và nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải			